

Báo cáo Tài chính

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TRUNG AN
Cho kỳ hoạt động từ 01/07/2013 đến 31/01/2015
(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo của Kiểm toán độc lập	4-5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 tới ngày ngày 31 tháng 01 năm 2015 là giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tới thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần phục vụ cho mục đích bàn giao sang công ty cổ phần.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An được chuyển đổi từ Xí nghiệp cấp nước Trung An – Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310350082 ngày 06/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: (i) Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước và khai thác, sản xuất, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; (ii) Thi công xây dựng công trình cấp nước và (iii) Tái lập mặt bằng đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác.

Căn cứ vào Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 30/01/2013, Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 31/05/2013 và Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 09/08/2013, Công ty được xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa vào ngày 30/06/2013.

Ngày 26/08/2014, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định số 4242/QĐ-UBND phê duyệt Phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An thành Công ty cổ phần. Theo đó, giá trị doanh nghiệp của Công ty cổ phần là 50.000.000.000 VND trong đó vốn Nhà nước chiếm 65% tương đương 32.500.000.000 VND.

Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần vào ngày 13/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi số 0310350082 được cấp cùng ngày

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày báo cáo gồm:

Ông Dương Hồng Đệ	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên, Giám đốc	
Bà Võ Thị Hồng Hà	Ủy viên, Phó Giám đốc	
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc	
Ông Trần Quang Minh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 18/12/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/07/2013 đến 31/01/2015 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

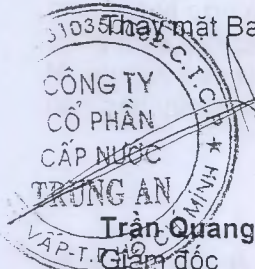
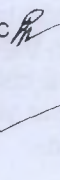
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách

- nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
 - Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
 - Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
 - Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, Ban Giám đốc, xác nhận rằng các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/01/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 tới ngày 31 tháng 01 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Quang Minh
Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Số: 911/2015/BC.KTTC-AASC.DTNN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An, được trình bày từ trang 6 đến 21 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/01/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/07/2013 đến 31/01/2015. Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An lập theo các quy định về lập và trình bày báo cáo tài chính tại Thỏa thuận ngày 06/02/2015 giữa Công ty Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ("Thỏa thuận").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến Ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty chính thức chuyển đổi sang Công ty Cổ phần ngày 13/01/2015 nhưng Công ty đang lập báo cáo tài chính phục vụ bàn giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa sang công ty cổ phần tại thời điểm 31/01/2015 là chưa phù hợp với Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An tại ngày 31/01/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ 01/07/2013 đến 31/01/2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính phục vụ cho việc chuyển đổi doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn sang công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các nội dung sau trên Thuyết minh 14:

- Công ty đã tạm ghi nhận Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013, năm 2014 và tháng 1 năm 2015 tại ngày lập Báo cáo tài chính. Phương án phân phối này đang chờ sự phê duyệt chính thức từ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV;
- Chi phí tiền lương tháng 1 năm 2015 đang được ghi nhận theo số tạm tính bằng số bình quân 1 tháng quỹ lương thực hiện năm 2014. Số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào sự phê duyệt chính thức từ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV;
- Công ty đã tạm ghi nhận tăng Vốn đầu tư chủ sở hữu từ Quỹ đầu tư phát triển và Nguồn thu từ cổ phần hóa. Việc xử lý tài chính chưa phù hợp với hướng dẫn về xử lý tài chính tại và Thông tư số 127/2014/TT-BTC về hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn thành công ty cổ phần.

Ý kiến ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Chính sách kế toán và giới hạn sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 2 của Báo cáo tài chính mô tả chính sách kế toán. Báo cáo tài chính này được lập theo quy định của Thỏa thuận nêu trên chỉ nhằm mục đích giúp Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An thực hiện công tác chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÃNG KIỂM TOÁN
AASC

SƠ Y BAN CHÍNH

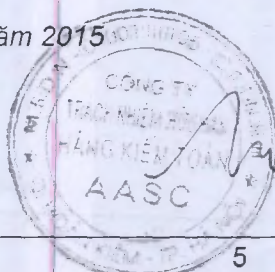
Ngày ... tháng ... năm 20...

Phạm Thị Thanh Giang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0286-2013-002-1

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG PHÒNG TỔNG HỢP

Nguyễn Phạm Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2893-2015-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2015

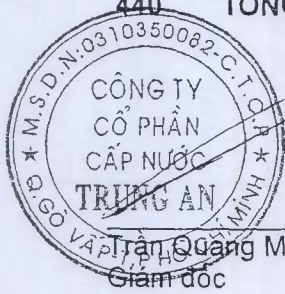


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 01 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/01/2015	01/07/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		68.417.066.591	58.826.451.464
110	I. Tiền và tương đương tiền	03	34.369.576.212	31.681.265.091
111	1. Tiền		9.369.576.212	8.681.265.091
112	2. Tương đương tiền		25.000.000.000	23.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.700.220.995	12.665.826.797
131	1. Phải thu khách hàng	04	21.327.444.449	10.510.086.633
132	2. Trả trước cho người bán		-	1.734.054.745
135	5. Các khoản phải thu khác	05	372.776.546	421.685.419
140	III. Hàng tồn kho	06	11.757.993.795	12.469.328.068
141	1. Hàng tồn kho		11.757.993.795	12.469.328.068
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		589.275.589	2.010.031.508
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	07	118.225.589	1.420.581.508
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	08	471.050.000	589.450.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.834.040.333	15.473.301.719
220	I. Tài sản cố định		9.150.960.648	15.473.301.719
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	7.998.556.125	13.653.472.392
222	- Nguyên giá		16.607.709.095	81.241.333.621
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.609.152.970)	(67.587.861.229)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.152.404.523	781.490.236
228	- Nguyên giá		1.939.308.000	1.025.308.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(786.903.477)	(243.817.764)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.038.339.091
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.683.079.685	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	07	1.683.079.685	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		79.251.106.924	74.299.753.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 01 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/01/2015	01/07/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		23.500.793.022	21.779.895.370
310	I. Nợ ngắn hạn		23.500.793.022	21.779.895.370
312	2. Phải trả người bán	11	312.242.209	6.023.217.934
313	3. Người mua trả tiền trước		7.401.000	179.585.971
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.281.847.592	1.399.509.806
315	5. Phải trả người lao động		10.191.944.438	8.647.295.319
316	6. Chi phí phải trả		59.754.842	3.917.659.226
319	9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13	5.849.608.129	348.027.598
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.797.994.812	1.264.599.516
400	B. NGUỒN VỐN		55.750.313.902	52.519.857.813
410	I. Vốn chủ sở hữu		55.750.313.902	52.519.857.813
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	50.000.000.000	46.661.063.748
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		261.091.481	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	14	4.918.607.031	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	14	-	740.944.738
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		570.615.390	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14	-	5.117.849.327
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		79.251.106.924	74.299.753.183



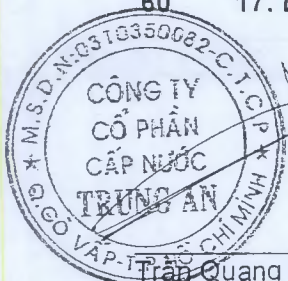
Trần Quang Minh
Giám đốc

Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

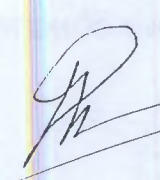
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Kỳ hoạt động từ 01/07/2013 đến 31/01/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ từ 01/07/2013 đến 31/01/2015
			VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	203.197.936.115
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		7.648.655
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		203.190.287.460
11	4. Giá vốn hàng bán	16	180.991.077.293
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.199.210.167
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		3.264.267.211
22	7. Chi phí tài chính		21.857.528
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-
24	8. Chi phí bán hàng		122.815.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	12.139.161.818
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.179.643.032
31	11. Thu nhập khác	18	1.068.744.894
32	12. Chi phí khác	19	947.275.856
40	13. Lợi nhuận/(chi phí) khác		121.469.038
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.301.112.070
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	3.197.454.721
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>10.103.657.349</u>



Trần Quang Minh
Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015


Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kỳ hoạt động từ 01/07/2013 đến 31/01/2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ từ 01/07/2013 đến 31/01/2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.301.112.070
	2. Điều chỉnh cho các khoản:		3.916.154.772
02	Khấu hao tài sản cố định	09, 10	7.180.421.983
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.264.267.211)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.217.266.842
09	(Tăng) các khoản phải thu		(9.163.133.087)
10	Giảm hàng tồn kho	06	711.334.273
11	(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm thuế TNDN phải nộp)		(1.557.313.118)
12	Giảm chi phí trả trước		2.772.642.016
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.698.610.780)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		183.288.435
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.402.673.333)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.062.801.248
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	09, 10	(4.799.396.227)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.424.906.100
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.374.490.127)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.688.311.121
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	03	31.681.265.091
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>34.369.576.212</u>



Trần Quang Minh
Giám đốc

Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An được chuyển đổi từ Xí nghiệp cấp nước Trung An – Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310350082 ngày 06/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: (i) Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước và khai thác, sản xuất, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; (ii) Thi công xây dựng công trình cấp nước và (iii) Tái lập mặt bằng đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác.

Trụ sở chính của Công ty tại 66 Trần Quốc Tuấn, Phường 1, Quận Gò Vấp, Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 46.705.000.000 VND đã góp đủ.

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần cấp nước Trung An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 13/01/2015.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/07/2013 đến 31/01/2014 được lập theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập phục vụ cho việc chuyển đổi doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn sang công ty cổ phần.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng trừ trường hợp các quy định này khác với quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 127/2014/TT-BTC thì sẽ ưu tiên áp dụng quy định cụ thể tại Nghị định và Thông tư này.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát

hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Theo quy định tại thông tư 127/2014/TT-BTC, Công ty không phải thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Theo quy định tại thông tư 127/2014/TT-BTC, Công ty không phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

2.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình (TSCĐ) được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Từ tháng 6/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì được phân loại lại sang Chi phí trả trước dài hạn và giá trị còn lại của các tài sản đó được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

Đối với các TSCĐ được hình thành từ đầu tư xây dựng tăng trong kỳ nhưng chưa được phê duyệt giá trị quyết toán dự án/công trình đầu tư hoàn thành, nguyên giá TSCĐ được ghi

nhận là giá trị tạm tính trên cơ sở chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm tài sản hoàn thành đầu tư và sẵn sàng để đưa vào sử dụng. Khi giá trị quyết toán dự án/công trình đầu tư hoàn thành được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán được phê duyệt.

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Chính sách thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập phải nộp hoặc thu hồi được từ lợi nhuận chịu thuế vào năm hiện hành và mức thuế suất hiện hành. Thuế hiện hành cho năm hiện hành và các năm trước phải được ghi nhận là công nợ, trong phạm vi chưa thanh toán. Nếu số thuế đã trả vào năm hiện hành và các năm trước vượt quá số thuế phải trả trong những giai đoạn đó, thì số chênh lệch phải được ghi nhận là một tài sản. Mức thuế suất được sử dụng để tính số thuế là mức thuế suất có hiệu lực áp dụng tại kỳ tính thuế.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác tuân thủ theo các quy định và luật hiện hành.

2.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu, bao gồm nguồn vốn Công ty mẹ giao và nguồn vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước (nếu có). Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty được thực hiện theo Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính Phủ. Theo đó, Lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

- Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp căn cứ vào kết quả xếp loại doanh nghiệp của năm trước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa;

- Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung như trên được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

2.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi đầu tư và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3. Tiền và tương đương tiền

	<u>31/01/2015</u>	<u>01/07/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	49.901.329	32.379.565
Tiền gửi ngân hàng	9.319.674.883	8.648.885.526
Tương đương tiền	25.000.000.000	23.000.000.000
	<u>34.369.576.212</u>	<u>31.681.265.091</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>31/01/2015</u>	<u>01/07/2013</u>
	VND	VND
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về tiền dịch vụ nước sạch và bán sỉ nước sạch	21.327.444.449	10.510.086.633
	<u>21.327.444.449</u>	<u>10.510.086.633</u>

5. Các khoản phải thu khác

	31/01/2015	01/07/2013
	VND	VND
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV về tiền vật tư	277.189.977	280.298.657
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	67.361.111	109.500.000
Bảo hiểm xã hội	24.692.057	31.292.940
Bảo hiểm y tế	-	410.702
Bảo hiểm thất nghiệp	52.210	183.120
Khác	3.481.191	-
	372.776.546	421.685.419

6. Hàng tồn kho

	31/01/2015	01/07/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.728.668.795	12.249.328.068
Công cụ, dụng cụ	29.325.000	220.000.000
	11.757.993.795	12.469.328.068
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	11.757.993.795	12.469.328.068

7. Chi phí trả trước (ngắn hạn và dài hạn)

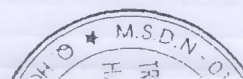
	31/01/2015	01/07/2013
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	118.225.589	1.420.581.508
Giá trị còn lại của tài sản điều chỉnh theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	1.420.581.508
Giá trị đánh giá tăng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của tài sản có nguyên giá nhỏ	49.704.589	-
Khác	68.521.000	-
Chi phí trả trước dài hạn	1.683.079.685	-
Giá trị công cụ dụng cụ tăng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp		
- Lợi thế thương mại	962.461.734	-
- Công cụ, dụng cụ	720.617.951	-
	1.801.305.274	1.420.581.508

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/01/2015	01/07/2013
	VND	VND
Tạm ứng	6.050.000	234.450.000
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	465.000.000	355.000.000
	471.050.000	589.450.000

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/07/2013	13.880.443.407	16.814.498.839	46.882.536.488	3.663.854.887	-	81.241.333.621
Mua trong kỳ	-	662.268.000	608.654.545	1.920.902.500	50.000.000	3.241.825.045
Đầu tư XDCB	240.680.000	-	-	-	-	240.680.000
Tăng do đánh giá lại tài sản thời điểm cổ phần hóa	-	38.298.835	2.911.727	26.924.727	-	68.135.289
Giảm do đánh giá lại tài sản thời điểm cổ phần hóa	(840.020.347)	-	(28.503.871)	(101.419.080)	-	(969.943.298)
Giảm do bàn giao cho Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	(10.754.851.725)	(8.643.643.122)	(41.154.463.907)	(143.968.350)	-	(60.696.927.104)
Thanh lý	-	(6.151.185.918)	(168.057.631)	(198.150.909)	-	(6.517.394.458)
Tại ngày 31/01/2015	2.526.251.335	2.720.236.634	6.143.077.351	5.168.143.775	50.000.000	16.607.709.095
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/07/2013	12.721.062.104	15.912.080.406	37.512.802.755	1.441.915.964	-	67.587.861.229
Khấu hao tăng trong kỳ	457.784.824	604.531.882	4.081.823.727	1.480.621.019	12.574.818	6.637.336.270
Giảm do đánh giá lại tài sản thời điểm cổ phần hóa	(1.224.486.838)	(591.725.718)	(1.355.099.886)	(457.745.331)	-	(3.629.057.773)
Giảm do bàn giao cho Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	(10.508.307.548)	(8.364.180.914)	(36.514.105.779)	(82.998.057)	-	(55.469.592.298)
Thanh lý	-	(6.151.185.918)	(168.057.631)	(198.150.909)	-	(6.517.394.458)
Tại ngày 31/01/2015	1.446.052.542	1.409.519.738	3.557.363.186	2.183.642.686	12.574.818	8.609.152.970
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/07/2013	1.159.381.303	902.418.433	9.369.733.733	2.221.938.923	-	13.653.472.392
Tại ngày 31/01/2015	1.080.198.793	1.310.716.896	2.585.714.165	2.984.501.089	37.425.182	7.998.556.125



10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại 01/07/2013	1.025.308.000	1.025.308.000
Mua trong kỳ	914.000.000	914.000.000
Tại 31/01/2015	<u>1.939.308.000</u>	<u>1.939.308.000</u>
Hao mòn lũy kế		
Tại 01/07/2013	243.817.764	243.817.764
Khấu hao trong kỳ	543.085.713	543.085.713
Tại 31/01/2015	<u>786.903.477</u>	<u>786.903.477</u>
Giá trị còn lại		
Tại 01/07/2013	781.490.236	781.490.236
Tại 31/01/2015	<u>1.152.404.523</u>	<u>1.152.404.523</u>

11. Phải trả người bán

	31/01/2015	01/07/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Công Trình Cấp Thoát Nước và Hạ Tầng Đô Thị M.A.T	99.400.597	-
Công ty CP Nhựa Tiến Phương	81.400.000	-
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Công Trình Cấp nước về gắn đồng hồ nước	57.423.643	-
Công ty TNHH ĐT Xây Dựng Thương Mại PN	4.256.584	-
Công ty CP Đầu Tư Minh Hòa	-	2.914.725.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	-	1.595.052.250
Công ty TNHH Công nghệ Xanh Hoa Sen	-	435.840.000
Nhà Máy Hóa Chất Biên Hòa	-	328.335.700
Công ty CP Tư Vấn và Đầu Tư Đô Thị Việt	-	302.940.000
Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ	-	245.430.900
Công ty TNHH Khôi Việt	-	49.445.550
Công ty CP Nhựa Tân Tiến	-	31.592.000
Khác	69.761.385	119.856.534
	<u>312.242.209</u>	<u>6.023.217.934</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/01/2015	01/07/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	847.217.535	373.411.308
Thuế giá trị gia tăng	397.508.403	544.844.092
Thuế thu nhập cá nhân	35.322.133	398.634.410
Thuế tài nguyên	-	60.814.511
Phí bảo vệ môi trường	1.799.521	21.805.485
	<u>1.281.847.592</u>	<u>1.399.509.806</u>

Tới thời điểm lập báo cáo này, công ty vẫn chưa hoàn thành quyết toán thuế nên số liệu báo cáo về các khoản thuế phải nộp được căn cứ vào số liệu thuế đã kê khai. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế khi thực hiện quyết toán thuế (nếu có) khi công ty thực hiện công thực hiện các thủ tục để bàn giao sang công ty cổ phần.

13. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/01/2015	01/07/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về tiền nước và tiền nước thất thoát thu hộ	88.445.698	72.545.070
Kính phí công đoàn	16.702.600	45.437.910
Bảo hiểm y tế	2.575.311	-
Phải trả khác		
- Bồi thường về di dời	5.086.219.769	-
- Thu bảo lãnh dự thầu	396.000.000	43.900.000
- Tiền lương cho cán bộ không chuyên trách	247.000.000	39.000.000
- Thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.949.051	2.300.000
- Bảo lãnh bảo hành công trình	1.330.000	50.208.100
- Khác	5.385.700	94.636.518
	<u>5.849.608.129</u>	<u>348.027.598</u>

14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư ngày 01/07/2013	46.661.063.748	-	740.944.738	-	5.117.849.327	52.519.857.813
Lãi từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	10.103.657.349	10.103.657.349
Phân phối lợi nhuận trong kỳ (i)	1.564.916.122	4.769.380.339	-	-	(15.365.044.390)	(9.030.747.929)
Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của Chi cục Tài chính / Thuế	-	-	-	-	143.537.714	143.537.714
Tăng do đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa	962.461.734	-	-	3.497.572.739	-	4.460.034.473
Bàn giao tài sản về Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH	(5.227.334.806)	-	-	-	-	(5.227.334.806)
Bổ sung nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu (ii)	6.038.893.202	(591.718.046)	-	(3.497.572.739)	-	1.949.602.417
Điều chỉnh theo Thông tư 220/2013 ngày 31/12/2013	-	740.944.738	(740.944.738)	-	-	-
Số dư ngày 31/01/2015	50.000.000.000	4.918.607.031	-	-	-	54.918.607.031

(i) Công ty thực hiện tạm phân phối lợi nhuận sau thuế, bao gồm Lợi nhuận trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2013) và Lợi nhuận sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, như sau:

Chỉ tiêu	Phân phối lợi nhuận trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp		Phân phối lợi nhuận sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp		Tổng	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%	VND	%
Quỹ đầu tư phát triển	1.817.939.050	35,52	2.951.441.289	28,80	4.769.380.339	31,04
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.734.994.155	33,90	6.325.138.384	61,73	8.060.132.539	52,46
Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	400.000.000	3,90	400.000.000	2,60
Vốn đầu tư chủ sở hữu	1.564.916.122	30,58	-	-	1.564.916.122	10,18
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	570.615.390	5,57	570.615.390	3,71
	5.117.849.327	100	10.247.195.063	100	15.365.044.390	100

(ii) Công ty tạm đã ghi nhận bổ sung Vốn đầu tư chủ sở hữu phần từ Quý đầu tư phát triển, Chênh lệch đánh giá lại tài sản và Nguồn thu từ cổ phần hóa, chi tiết như sau:

Nguồn bổ sung Vốn đầu tư chủ sở hữu	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Quý đầu tư phát triển	591.718.046	9,80
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	3.497.572.739	57,92
Nguồn thu từ cổ phần hóa	1.949.602.417	32,28
	6.038.893.202	100,00

15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ từ 01/07/2013 đến 31/01/2015 VND
Dịch vụ nước sạch và bán sỉ nước sạch	196.046.742.592
Gắn đồng hồ nước	3.861.364.705
Ổng cái, tái lập mặt đường	1.325.962.733
Thi công xây dựng	1.963.866.085
Các khoản giảm trừ doanh thu	(7.648.655)
- Hàng bán bị trả lại	(7.648.655)
	<u>203.190.287.460</u>

16. Giá vốn hàng bán

	Kỳ từ 01/07/2013 đến 31/01/2015 VND
Dịch vụ nước sạch và bán sỉ nước sạch	175.380.354.687
Gắn đồng hồ nước	2.663.460.417
Ổng cái, tái lập mặt đường	1.137.455.566
Thi công xây dựng	1.809.806.623
	<u>180.991.077.293</u>

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ từ 01/07/2013 đến 31/01/2015 VND
Nhân viên quản lý	7.749.046.833
Công cụ quản lý	624.805.247
Khấu hao TSCĐ	1.342.726.738
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000
Dự phòng	81.663.750
Kinh phí Đảng	396.870.136
Đào tạo	427.790.080
Tiếp khách	502.542.122
Hội họp	5.600.000
Điện thoại	73.765.679
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	516.837.165
Khác	411.514.068
	<u>12.139.161.818</u>

18. Thu nhập khác

	Kỳ từ 01/07/2013 đến 31/01/2015 VND
Thu kiểm định đồng hồ nước	171.787.964
Thu xúc xả nước	384.512.643
Bán vật tư, tài sản cố định thanh lý	304.232.506
Bán hồ sơ mời thầu	172.727.290
Khác	35.484.491
	<u>1.068.744.894</u>

19. Chi phí khác

	Kỳ từ 01/07/2013 đến 31/01/2015 VND
Chi kiểm định đồng hồ nước	25.930.000
Chi xúc xả nước	556.530.398
Bán vật tư, tài sản cố định thanh lý	149.086.015
Chi mở thầu, xét thầu	106.000.000
Khác	109.729.443
	<u>947.275.856</u>

20. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Kỳ từ 01/07/2013
đến 31/01/2015
VND

Lợi nhuận trước thuế	13.301.112.070
Ảnh hưởng của:	
- Chi phí không được khấu trừ	717.841.316
Thu nhập chịu thuế	14.018.953.386
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.197.454.721</u>

21. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần cấp nước Trung An theo Giấy phép đăng ký chuyển đổi thành Công ty cổ phần ngày 13/01/2015.

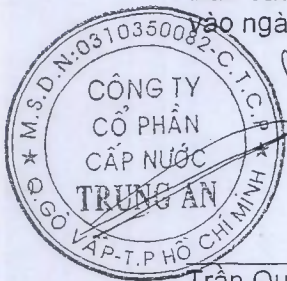
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày chuyển đổi thành Công ty Cổ phần đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

22. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2013 đến ngày 31/01/2015 để phục vụ chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần nên không có số liệu so sánh.

23. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 27 tháng 02 năm 2015.



Trần Quang Minh
Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2015

Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

